

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/LĐ-PT

Ngày 15-6-2022

V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại do tai nạn lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;
Ông Nguyễn Minh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2022/TLST-LĐ ngày 15/02/2022 về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 03/2021/LĐ-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2022/QĐ-PT ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Số N, tổ X, khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: Số C Thống Nhất, Phường R, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/8/2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Đ; địa chỉ: Số Y, khu phố U, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Chung Văn Th, sinh năm 2002; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Số N, tổ X, khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.2. Cháu Chung Văn Tuấn A, sinh ngày 29/11/2015; Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Số N, tổ X, khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Chung Văn Tuấn A: Bà Trần Thị H, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên hệ: Số N, tổ X, khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.3. Ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số M đường N, khu phố Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: Số C Thống Nhất, Phường R, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/8/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2020, nguyên đơn bà Trần Thị H (gọi tắt là bà H) trình bày:* Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701536330 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Dương cấp ngày 19/6/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/01/2016, có chức năng xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp do ông Nguyễn Thanh S làm chủ sở hữu và là Giám đốc điều hành. Chồng bà H là ông Chung Văn Đ (gọi tắt là ông Đ) xin vào làm công nhân phụ hồ từ đầu tháng 9 năm 2018, mức lương 250.000đồng/ngày, một tuần làm việc 06 ngày, lãnh lương vào ngày thứ 7 hàng tuần. Vào lúc 11 giờ 00 ngày 26/9/2018, tại công trình nhà ở của bà Trần Thị Thu T, địa chỉ: Đường G, khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương xảy ra tai nạn lao động làm ông Đ rơi trong lòng thang máy của công trình từ tầng 6 xuống tầng 3 gây đa chấn thương và tử vong.

Theo Biên bản kết luận tai nạn lao động ngày 28/7/2020 do Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương lập và công bố, thể hiện: Sáng ngày 26/9/2018, ông Đ cùng với 8 công nhân khác được phân công lắp đặt giàn giáo và đóng cốt pha mái tầng 8 của công trình, ông Đ đứng dưới sàn gỗ hỗ trợ đưa vật tư. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, ông Đ xuống tầng 7 để đưa các thanh sắt hộp lên tầng 8; ông Đ chuyển các thanh sắt từ bên ngoài vào xếp đứng trong sàn che chắn 2 lòng giếng thang máy (khoảng trống để lắp đặt thang), đầu trên tựa vào thành giếng thang thì sàn che chắn bị sụp đổ làm ông Đ và các thanh sắt rơi xuống làm sập các sàn che chắn trong lòng giếng thang máy tại các tầng 6, 5, 4 trước khi đến sàn che chắn lòng giếng thang máy tại tầng 3. Ông Đ được các công nhân làm chung phát hiện và đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, nhưng ông Đ đã tử vong vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 26/9/2018.

Theo kết luận giám định pháp y thì nguyên nhân ông Đ chết là do “chấn thương ngực - bụng gây dập rách hai phổi, dập vỡ tim, gan”. Quá trình cấp cứu và mai táng, Công ty Đ đã hỗ trợ cho gia đình ông Đ số tiền 86.000.000 đồng, gồm tiền mặt 70.000.000 đồng giao cho bà H và trả cho cơ sở mai táng tiền áo quan và xe vận chuyển về Vĩnh Long là 16.000.000 đồng.

Ngày 28/7/2020, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương tổ chức cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho bà H số tiền 195.000.000 đồng, khấu trừ 86.000.000 đồng đã thanh toán trước thì còn phải thanh toán thêm cho bà H số tiền 109.000.000 đồng. Nhưng ông Nguyễn Thanh S không đồng ý và đề nghị tiếp tục họp nội dung về chế độ bồi thường tai nạn lao động vào lúc 14 giờ 00 ngày 31/7/2020.

Ngày 31/7/2020, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương tiếp tục họp về việc bồi thường cho gia đình bà H, nhưng ông S Giám đốc Công ty không đồng ý vì cho rằng: “Nạn nhân Đ vào làm việc chưa được ký hợp đồng lao động như lao động chính thức, cai thầu quản lý công trình tự nhận anh Đ vào làm việc tại công trình mà không báo cáo với Giám đốc. Do vậy, Công ty không đồng ý với việc bồi thường tai nạn lao động theo yêu cầu của Đoàn điều tra tai nạn lao động tại Biên bản cuộc họp ngày 28/7/2020 (số tiền phải bồi thường là 195 triệu đồng) vì tôi cho rằng quy định này không hợp lý. Công ty chỉ chấp nhận hỗ trợ thêm cho thân nhân của anh Đ 20 triệu đồng, ngoài số tiền 86 triệu đồng đã hỗ trợ trước đây”. Bà H cho rằng: “Từ lúc sau khi tai nạn xảy ra đến nay thì bà H cũng không được sự quan tâm thăm hỏi của phía Công ty. Sau khi ký văn bản thỏa thuận trước đây thì bà H cũng không thừa kiện gì đối với Công ty. Nay bà H muốn Công ty thực hiện việc bồi thường tai nạn lao động do Đoàn điều tra tai nạn lao động kết luận. Trường hợp Công ty không thực hiện thì bà H sẽ tiếp tục khởi kiện theo quy định”. Sau đó, bà H đã nhiều lần liên lạc với ông S để yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho gia đình bà H, nhưng ông S không đồng ý nên bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường cho bà H và các con của bà H các khoản gồm:

- Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm làm chết người gồm thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại được xác định $250.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày/tháng} \times 30 \text{ tháng} = 195.000.000 \text{ đồng}$; khấu trừ số tiền Công ty Đ đã thanh toán trước tiền viện phí, chi phí mai táng là 86.000.000 đồng, Công ty Đ còn phải thanh toán số tiền là 109.000.000 đồng theo Biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 28/7/2020 và Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 28/7/2020.

- Bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần cho vợ và con của nạn nhân do tai nạn lao động làm chết người bằng một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là $1.490.000 \text{ đồng/tháng} \times 100 \text{ tháng} = 149.000.000 \text{ đồng}$.

- Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng là cháu Chung Văn Tuấn A, sinh ngày 29/11/2015 theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng/tháng, tính từ ngày ông Đ chết (ngày 26/9/2018) đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi (ngày 29/11/2033) là 14 năm 02 tháng $\times 1.490.000 \text{ đồng/tháng} = 253.300.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà H yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường 01 lần số tiền 511.300.000 đồng. Ngày 04/10/2021, nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án tuyên Biên bản thỏa thuận ngày 06/10/2018 giữa bà Trần Thị H với Công ty Đ là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

* Bị đơn Công ty TNHH MTV Đ do ông Nguyễn Thanh S đại diện theo pháp luật trình bày: Năm 2018, Công ty Đ nhận công trình xây dựng nhà ở của bà Trần Thị Thu Trinh, địa chỉ: Đường D8, khu dân cư Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi nhận công trình, Công ty Đ giao cho cai thầu của Công ty là ông Phạm Hoàng H, sinh năm 1974 trông coi công trình. Ông H sẽ nhận thợ vào

làm việc, kết thúc thời gian thử việc nếu công nhân làm việc tốt thì Công ty sẽ xem xét ký kết hợp đồng lao động. Ông Chung Văn Đ được ông H nhận vào làm tại công trình gần 03 tuần, thời gian cụ thể thì không nhớ, công việc của ông Đ là phụ hồ, mức lương là 230.000 đồng/ngày, mỗi tuần ông Đ chỉ làm việc từ 02 đến 03 ngày, chứ không bao giờ làm đủ các ngày trong tuần. Quá trình làm việc, ông H đã cảnh báo về an toàn lao động, thông báo cho ông Đ khi làm việc không nên chất nhiều thanh sắt lên thang sẽ gây nguy hiểm, nhưng ông Đ không nghe, vẫn chất nhiều thanh sắt, vật tư vào sàn che chắn trong lòng giếng thang máy, dẫn đến sàn che chắn bị sụp và ông Đ bị tai nạn lao động chết.

Sau khi tai nạn xảy ra, Công ty Đ đã hỗ trợ các chi phí tại bệnh viện, chi phí mai táng cho ông Đ khoảng hơn 20.000.000 đồng, nhưng theo nguyên đơn xác định là 16.000.000 đồng thì Công ty cũng thống nhất. Về tiền mặt, Công ty Đ đã hỗ trợ cho gia đình ông Đ số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng đã hỗ trợ là 86.000.000 đồng. Đại diện gia đình ông Đ là bà Trần Thị H đã nhận đủ số tiền trên và ký tên vào biên bản thỏa thuận “cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về sau”. Nay nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Đ phải bồi thường số tiền 511.300.000 đồng, Công ty không đồng ý. Vì Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, xác định lỗi là do ông Chung Văn Đ tự té, Công ty Đ không có lỗi trong vấn đề này nên Công ty Đ chỉ đồng ý hỗ trợ thêm cho gia đình ông Đ số tiền 50.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chung Văn T, Chung Văn Tuấn A do bà Trần Thị H đại diện thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Trần Thị H, không bổ sung gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng H, trình bày:* Ông H là nhân viên của Công ty TNHH MTV Đ, phụ trách trông coi công trình xây dựng của Công ty. Năm 2018, Công ty Đ nhận công trình xây dựng nhà ở của bà Trần Thị Thu Tr và giao cho ông H làm cai thầu. Ông H phụ trách tuyển dụng người vào làm, sau 01 tháng nếu người lao động làm tốt công việc thì ông H sẽ báo cáo Công ty xem xét ký kết hợp đồng lao động. Đầu tháng 9 năm 2018, ông H có tuyển dụng ông Chung Văn Đ vào làm phụ hồ, làm việc theo tuần, mức lương là 230.000 đồng/ngày, một tuần làm việc 06 ngày, trả lương vào thứ 7 hàng tuần. Việc tuyển dụng chỉ thỏa thuận miệng (tức bằng lời nói), hai bên chưa ký kết hợp đồng lao động. Hàng tuần, ông H sẽ chấm công vào sổ theo dõi và báo cáo cho ông S biết. Sau đó, ông S chỉ trả tiền lương theo như chấm công của ông H và giao tiền để ông H phát lương cho nhân công. Việc trả lương cũng không có ký nhận, còn sổ chấm công ngày làm do thời gian quá lâu nên đã bị thất lạc không còn lưu giữ, nhưng ông Đ chỉ làm việc từ 02 đến 03 ngày trong tuần, chứ không làm đủ 06 ngày như thỏa thuận ban đầu. Ông Đ làm việc tại công trình được khoảng 03 tuần thì xảy ra sự cố, dẫn đến tử vong. Nguyên nhân là do trong quá trình làm việc, ông Đ không nghe theo cảnh báo của ông H. Ông H đã cảnh báo ông Đ không nên chất nhiều thanh sắt lên thang sẽ gây nguy hiểm, nhưng ông Đ không nghe, vẫn chất nhiều thanh sắt, vật tư vào sàn che chắn trong lòng giếng thang, làm sàn che chắn bị sụp đổ xuống và ông Đ bị tai nạn qua đời. Ngay sau khi tai nạn xảy ra, ông Đ được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện và Ông H có báo cáo về Công ty. Sự việc xảy ra làm ông Đ tử vong là không ai mong muốn, Ông H chỉ mong nguyên đơn xem xét lại mức yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu: Hủy Biên bản thỏa thuận ngày 06/10/2018 giữa bà Trần Thị H

với Công ty Đ vì cho rằng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và yêu cầu Công ty Đ phải trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động theo quy định tại Điều 53 của Luật An toàn vệ sinh, lao động là 36 tháng tiền lương cơ sở x 1.490.000 đồng/tháng = 53.640.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường và trợ cấp 511.300.000 đồng + 53.640.000 đồng = 564.940.000 đồng. Bị đơn Công ty Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ chấp nhận hỗ trợ thêm số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại Bản án số 03/2021/LĐ-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 142 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Đ về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động”.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty TNHH MTV Đ hỗ trợ cho gia đình ông Chung Văn Đ là bà Trần Thị H và hai cháu Chung Văn T, Chung Văn Tuấn A số tiền là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần nghĩa vụ phải trả lãi do chậm thi hành án, án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/12/2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Nhân có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Hai bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn được thực hiện sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử và vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Đối với các yêu cầu khởi kiện ban đầu, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận và ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ thêm của phía bị đơn là có căn cứ. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án số 03/2021/LĐ-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án lao động về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động*” (cụ thể là tranh chấp bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động theo quy định tại các Điều 142, 144, 145 của Bộ luật Lao động), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm, vì đây không phải là trường hợp “*đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*”.

[2] Xét đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên hợp lệ.

[3] Xét việc xác lập quan hệ lao động giữa ông Chung Văn Đ với Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ), nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời thừa nhận của Công ty Đ, có căn cứ xác định: Ông Phạm Hoàng H là cai thầu công trình của Công ty Đ. Ông H có thỏa thuận “bằng lời nói” là Ông H nhận ông Đ vào làm việc tại công trình nhà ở của bà Trần Thị Thu T do Công ty Đ thực hiện; công việc chính của ông Đ là phụ hồ; mức lương 250.000 đồng/ngày (bút lục 65, 69); ông Đ làm việc được khoảng 03 tuần, đến ngày 26/9/2018 thì xảy ra tai nạn làm ông Đ tử vong. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 16, điểm c khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Lao động thì giữa Công ty Đ với ông Chung Văn Đ đã giao kết “*hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng*” và công việc của ông Đ thuộc trường hợp “*không phải thử việc*”, nếu có thử việc thì “*không quá 06 ngày làm việc*”. Ông Đ đã làm việc được 03 tuần nên ông Đ đã trở thành lao động chính thức của Công ty Đ.

[4] Sau khi tai nạn xảy ra làm ông Đ tử vong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành tiếp nhận điều tra vụ việc. Ngày 06/10/2018, Công ty Đ với bà Trần Thị H (vợ ông Đ) lập “*Biên bản thỏa thuận*” với nội dung: “*Qua sự việc tai nạn đại diện Công ty xây dựng Đ đã đến thăm hỏi, động viên, hỗ trợ tiền chi phí mai táng cho gia đình anh Chung Văn Đ và hỗ trợ cho gia đình anh Chung Văn Đ số tiền là 70.000.000 đồng. Đại diện là chị Trần Thị H đã nhận đủ số tiền trên và cam kết sẽ không thắc, khiếu nại gì về sau*”, biên bản thỏa thuận có sự chứng kiến của ông Trần Minh Phước, cán bộ Điều tra (bút lục 45). Ngày 08/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ban hành Kết luận xác minh số 221/KLXM-CQĐ-ĐĐTTH kết luận “*ông Chung Văn Đ tự tử, không có sự việc phạm tội*” và ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 222 (bút lục 58-59, 70). Ngày 10/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T ra Thông báo số 133/TB-VKS-HS kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án hình sự xác định: “*Nguyên nhân của vụ tai nạn lao động là do Chung Văn Đ trong quá trình thi công do bất cẩn nên tự rơi từ lầu 6 xuống lầu 3 của công trình xây dựng nhà ở ...nên dẫn đến chết*” và xác định Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 222 ngày 08/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T là có căn cứ (bút lục 57). Do đó, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương đã tiến hành điều tra tai nạn lao động theo quy định.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, nhận thấy: Theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Lao động; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì “*người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng*” phải có trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc. Do ông Đ làm việc chưa được 01 tháng nên Công ty Đ với ông Đ chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc là không vi phạm các quy định trên. Tuy nhiên, khi tai nạn lao động xảy ra, thì Công ty Đ với ông Đ cùng phải có nghĩa vụ gánh chịu hậu quả theo quy định tại các Điều 142, 144, 145 của Bộ luật Lao động và Điều 38 của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

[6] Theo Biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 28/7/2020 của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương, xác định: “*Những người có lỗi*” dẫn đến tai nạn lao động làm ông Đ tử vong là “*người lao động không chấp hành đúng hướng dẫn của cấp quản lý khi thao tác vận chuyển vật liệu, vi phạm khoản 2 Điều 138 Bộ luật Lao động và khoản 1 Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Người sử dụng lao động không trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động; không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Lao động, điểm b khoản 2 Điều 7, Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; không tổ chức kiểm tra, giám sát về an toàn lao động tại nơi làm việc để kịp thời cảnh báo, nhắc nhở khi phát hiện người lao động làm việc không đảm bảo an toàn lao động theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 36 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ*” (bút lục 24-25). Như vậy, nguyên nhân xảy ra tai nạn là có lỗi của người lao động (ông Đ “*không chấp hành đúng hướng dẫn của cấp quản lý khi thao tác vận chuyển vật liệu*”) nên việc bà H yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường thiệt hại về tính mạng cho ông Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 145 của Bộ luật Lao động; khoản 4 Điều 38 của Luật An toàn, vệ sinh lao động và đề xuất của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương tại Biên bản cuộc họp công bố Biên bản điều tra tai nạn lao động ngày 28/7/2020, mức bồi thường là 30 tháng tiền lương x 6.500.000 đồng/tháng với số tiền 195.000.000 đồng (bút lục 26-27) là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Theo như đã nêu tại mục [4] và [6] thì nguyên nhân xảy ra tai nạn làm ông Đ tử vong là do lỗi của ông Đ “*không chấp hành đúng hướng dẫn của cấp quản lý khi thao tác vận chuyển vật liệu*” nên Công ty Đ chỉ có trách nhiệm thanh toán cho thân nhân của ông Đ (do bà Trần Thị H làm đại diện) các khoản theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 145 của Bộ luật Lao động; khoản 2 và khoản 5 Điều 38 của Luật An toàn, vệ sinh lao động, bao gồm: Thanh toán toàn bộ chi phí y tế đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế và chi phí mai táng; trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động mà do lỗi chính họ gây ra một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức quy định (tức ít nhất là 40% của 30 tháng tiền lương, tương đương số tiền 78.000.000 đồng). Tổng số tiền mà Công ty Đ phải chi trả và trợ cấp cho gia đình ông Đ là 94.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận Công ty Đ đã trả tiền viện phí, chi phí mai táng (quan tài và tiền xe vận chuyển về Vĩnh Long) là 16.000.000 đồng; hỗ trợ cho gia đình ông Đ (do bà H nhận) số tiền 70.000.000 đồng; tổng cộng là 86.000.000 đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải

chứng minh. Như vậy, số tiền Công ty Đ còn phải hỗ trợ thêm cho gia đình ông Đ là 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi tai nạn xảy ra, Công ty Đ với bà H đã tự nguyện lập “*Biên bản thỏa thuận ngày 06/10/2018*” với nội dung “*Công ty xây dựng Đ đã đến thăm hỏi, động viên, hỗ trợ tiền chi phí mai táng cho gia đình anh Chung Văn Đ và hỗ trợ cho gia đình anh Chung Văn Đ số tiền là 70.000.000 đồng. Đại diện là chị Trần Thị H đã nhận đủ số tiền trên và cam kết sẽ không thắc, khiếu nại gì về sau*” nên việc bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trợ cấp thêm là không có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ tự nguyện hỗ trợ thêm cho gia đình ông Đ số tiền 50.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này là hoàn toàn phù hợp.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của phía nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy “*Biên bản thỏa thuận ngày 06/10/2018*” giữa bà Trần Thị H với Công ty TNHH MTV Đ; yêu cầu Công ty Đ phải trợ cấp cho người lao động chết do tai nạn lao động theo Điều 53 của Luật An toàn vệ sinh, lao động là 36 tháng tiền lương cơ sở x 1.490.000 đồng/tháng với số tiền 53.640.000 đồng là sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử và “*vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu*” nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, biên bản thỏa thuận trên là do hai bên đương sự tự nguyện xác lập, không bị đe dọa, ép buộc nên phát sinh hiệu lực; và việc trả trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động theo quy định tại Điều 53 của Luật An toàn vệ sinh, lao động là trách nhiệm chi trả của cơ quan bảo hiểm khi người lao động (ông Đ) có tham gia bảo hiểm theo quy định, đây không phải trách nhiệm của người sử dụng lao động (Công ty Đ) nên yêu cầu này là không có căn cứ.

[9] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Đ bồi thường tổn thất tinh thần cho bà H và các con của ông Đ bằng 100% lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng/tháng x 100 tháng với số tiền 149.000.000 đồng và phải cấp dưỡng nuôi cháu Chung Văn Tuấn A, sinh ngày 29/11/2015 theo mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng/tháng, tính từ ngày ông Đ chết (ngày 26/9/2018) đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi (ngày 29/11/2033) là 14 năm 02 tháng x 1.490.000 đồng/tháng là 253.300.000 đồng, xét thấy: Theo như phân tích tại mục [2] thì quan hệ giữa ông Đ với Công ty Đ là quan hệ pháp luật lao động, không phải là quan hệ pháp luật dân sự, Công ty Đ không có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe... của ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự nên việc bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Đ bồi thường tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng nuôi cháu Chung Văn Tuấn A theo quy định tại khoản 2 Điều 590 và điểm c khoản 1 Điều 591 của Bộ luật Dân sự là không có căn cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề cập đến vấn đề này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không phân tích, làm rõ đề nghị mà căn cứ “*Biên bản thỏa thuận ngày 06/10/2018*” giữa bà H với Công ty Đ để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[10] Từ phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, giữ nguyên Bản án số 03/2021/LĐ-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[11] Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn bà H được miễn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn bà Trần Thị H. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 03/2021/LĐ-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 16, điểm c khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27, các Điều 186, 142, 144, 145 của Bộ luật Lao động; Điều 38 của Luật An toàn, vệ sinh lao động; điểm a và b khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21, Điều 53 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Đ về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động*”.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty TNHH MTV Đ về việc hỗ trợ thêm cho gia đình ông Chung Văn Đ là bà Trần Thị H và hai cháu Chung Văn T, Chung Văn Tuấn A số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn nộp.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Đắc Cường